

Bản án số: 100/2020/HS-ST  
Ngày: 25-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Vi Thanh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

-Bà Phạm Thị Dung.

-Bà Vũ Thị Xuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Kiều Oanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Duy T**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1986 tại huyện T, thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: tổ 3, khu 10, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T và bà Bùi Thị B; có vợ là Nguyễn Thị C, có 02 con: con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị giữ khẩn cấp ngày 03 tháng 6 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Vũ Văn V**, sinh ngày 21 tháng 9 năm 1994 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 7, khu 9, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Trịnh Thị L; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 03 tháng 6 năm 2020, hiện

đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1966, địa chỉ: tổ 7, khu 9, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

***Người chứng kiến:***

- Anh Lại Văn P, sinh năm 1974, địa chỉ: tổ 26, khu 1, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ 11A, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 03/6/2020, tại tại tổ 11A, khu 3, phường Q, thành phố U, Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Uông Bí phối hợp với Công an phường Q bắt quả tang Vũ Văn V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của V 01 gói nilon màu trắng kích thước (1,5 x 2)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, khối lượng 0,263 gam. Ngoài ra, lực lượng Công an thu giữ của V: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ đen, biển kiểm soát 16N6 – 9985 và 01 điện thoại Nokia màu đen cùng sim số 0377.543.468. V khai túi nilon chứa chất tinh thể trắng là ma túy loại “đá”, V và Nguyễn Duy T góp tiền mua để cùng sử dụng.

Căn cứ lời khai của V, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Duy T, tạm giữ của T số tiền 250.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu vàng, bên trong gắn sim số 0865.072.646 và 0359.651.226. Ngày 04/6/2020, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tại giường ngủ của V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã cũ, vỏ màu đen, không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT đã cũ, vỏ màu vàng – đen bị vỡ phía sau, không lắp sim.

Bản Kết luận giám định số 633/KLGD ngày 07/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong ghi vật chứng thu của Vũ Văn V gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,263 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 95/CT – VKSUB ngày 07 tháng 9 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố Nguyễn Duy T và Vũ Văn V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo Nguyễn Duy T và Vũ Văn V đều khai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/6/2020, sau khi T thống nhất góp tiền để V mua ma túy về cùng sử dụng, nhưng do không có tiền nên T đi vay 500.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô Yamaha Sirius, biển kiểm soát 16N6-9985 đến nhà V. Tại cổng nhà V, T đưa cho V 200.000 đồng và chiếc xe mô tô để V đi mua ma túy “đá” còn T ở nhà V. V gọi điện cho người phụ nữ có tên là T “K”, nhà ở phường Q. Sau đó, V điều khiển xe mô tô mượn của T đi đến nhà T, mua của T 01 gói ma túy “đá” với giá 200.000 đồng rồi cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái, điều khiển xe mô tô đi về. Khi vừa đi được khoảng 50m thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ ma túy cùng một số tài sản mang theo. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, T bị bắt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trịnh Thị L khai: Khoảng trưa ngày 03/6/2020, Vũ Văn V là con trai bà có mượn bà 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0377.543.468, việc V sử dụng điện thoại để hỏi mua ma túy bà không biết và bà L đề nghị trả lại bà chiếc điện thoại này.

Người chứng kiến anh Lại Văn P và anh Phạm Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ về thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án, đối tượng liên quan và vật chứng thu giữ của vụ án phù hợp với nội dung vụ án đã nêu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy T và bị cáo Vũ Văn V phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T và Vũ Văn V cùng mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị các cáo bị tạm giữ, ngày 03 tháng 6 năm 2020.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 633/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 sim điện thoại số 0865.072.646 và 01 sim điện thoại số 0359.651.226.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu vàng.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Duy T số tiền 250.000đồng

- Trả lại bị cáo Vũ Văn V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL đã cũ, vỏ màu đen, không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT đã cũ, vỏ màu vàng – đen bị vỡ phía sau, không lắp sim.

- Trại lại bà Trịnh Thị L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0377.543.468.

Bị cáo Vũ Văn V, Nguyễn Duy T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát; Tại lời nói sau cùng, cả hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

**[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng:** Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **[2] Về tội danh và hình phạt:**

#### ***2.1 Về tội danh:***

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ của vụ án, kết luận giám định cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 03/6/2020, Nguyễn Duy T thống nhất góp tiền cùng Vũ Văn V để mua ma túy về cùng sử dụng. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, tại tổ 11A, khu 3, phường Q, thành phố U, khi Vương vừa mua 0,263 gam ma túy loại Methamphetamine để cùng T sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bị cáo Vũ Văn V và Nguyễn Duy T có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo Vũ Văn V và Nguyễn Duy T đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

#### ***2.2 Về hình phạt:***

***Về hình phạt chính:*** Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, thấy rằng các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái với quy định pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải có hình phạt phù hợp, cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục riêng cũng như để tăng cường phòng ngừa tội phạm chung.

*Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bị cáo mua ma túy với mục đích sử dụng, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

### **[3] Về vai trò của các bị cáo:**

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Nguyễn Duy T là người đưa tiền và giao xe mô tô cho Vũ Văn V đi mua ma túy, Vũ Văn V trực tiếp đi mua ma túy, giữ vai trò là người thực hành, cả hai bị cáo đều có mục đích mua ma túy về sử dụng và cùng chịu trách nhiệm hình sự đối khối lượng ma túy đã tàng trữ, do đó Nguyễn Duy T và Vũ Văn V có vai trò ngang nhau.

### **[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo Nguyễn Duy T và Vũ Văn V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

### **[5] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:**

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius màu đỏ - đen, biển kiểm soát 16N6 – 9985, số khung: RLCS5C6408Y082737, số máy: 5C64-082737; quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu, cơ quan điều tra đã tách ra xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

- 01 phong bì niêm phong số 633/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh bên trong đựng ma túy thu giữ được của các bị cáo, được hoàn lại sau giám định thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu vàng thu giữ của Nguyễn Duy T là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Sim điện thoại số 0865.072.646 và 0359.651.226 thu giữ của Nguyễn Duy T tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 250.000đồng thu giữ của Nguyễn Duy T không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã cũ, vỏ màu đen, không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT đã cũ, vỏ màu vàng – đen bị vỡ phía sau, không lắp sim thu giữ của Vũ Văn V không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0377.543.468 là tài sản hợp pháp của bà Trịnh Thị L, bà L không biết V sử dụng vào hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bà Trịnh Thị L.

**[6] Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo Nguyễn Duy T và Vũ Văn V phải chịu án phí theo quy định.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo Nguyễn Duy T, Vũ Văn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy T và bị cáo Vũ Văn V phạm tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 03 tháng 6 năm 2020.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn V **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, ngày 03 tháng 6 năm 2020.

### **2. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:**

Áp dụng: điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 633/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 sim điện thoại số 0865.072.646 và 01 sim điện thoại số 0359.651.226.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu vàng.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Duy T số tiền 250.000đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại bị cáo Vũ Văn V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã cũ, vỏ màu đen, không lắp sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT đã cũ, vỏ màu vàng – đen bị vỡ phía sau, không lắp sim.

- Trả lại bà Trịnh Thị L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, bên trong gắn sim số 0377.543.468.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng được mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 9 năm 2020, kèm theo bảng thống kê tiền tang vật giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Duy T và Vũ Văn V mỗi bị cáo phải nộp 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

**4. Quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Duy T, Vũ Văn V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Dung    Vũ Thị Xuyên**

**Vi Thanh Hà**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Công an thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vi Thanh Hà**